

Số: /CV-BVPY  
V/v yêu cầu báo giá

Phù Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá vật tư y tế làm căn cứ xây dựng giá để tổ chức lựa chọn nhà thầu mua vật tư y tế năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La với nội dung cụ thể như sau:

### I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá**

- DSKK1: **Hà Thị Thu Hương** - Trưởng khoa Dược - TBYT.

- ĐT: 0972.189.383.

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá**

- Nhận trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tại địa chỉ: Khoa Dược – Thiết bị y tế.

- Địa chỉ: Tiểu khu 1, xã Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Nhận qua email: [khoaduocvattuthietbiyte@gmail.com](mailto:khoaduocvattuthietbiyte@gmail.com).

- Số lượng: 03 bản báo giá

**4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** Từ 17 giờ 00 phút ngày 14 tháng 11 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 24 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá**

Tối thiểu 90 ngày từ ngày 24/11/2025.

### II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

**1. Danh mục:** Mua vật tư y tế năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La yêu cầu báo giá.

(Có phụ lục I kèm theo).

**2. Địa điểm cung cấp**

- Khoa Dược - TBYT, Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên.
- Hàng hóa phải được đóng gói theo đúng quy cách của Nhà sản xuất và không bị hư hỏng, nứt vỡ, biến dạng trong quá trình giao hàng. Công ty chịu chi phí vận chuyển hàng, bốc xếp; chi phí trả lại hàng (nếu hàng hóa không đạt yêu cầu).

### **3. Thời gian giao hàng dự kiến**

Trong vòng 48 giờ kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (bao gồm toàn bộ quá trình bàn giao, chạy thử, nghiệm thu hợp đồng).

**4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:** Thanh toán theo từng đợt, theo số lượng thực tế mua sắm.

### **5. Các thông tin khác (nếu có)**

#### **5.1. Yêu cầu hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau**

- Báo giá theo mẫu (*Chi tiết tại phụ lục II đính kèm*).
- Hợp đồng mua bán tương tự (nếu có).
- Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của thiết bị và các tài liệu khác liên quan (nếu có).

#### **5.2. Các quy định đối với báo giá**

- Báo giá có đầy đủ các nội dung theo biểu mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.
- Báo giá phải được đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký và đóng dấu theo quy định.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của các quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- HĐ KHKV BV;
- Đăng tải: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và Website bệnh viện;
- Lưu: VT, HST.

**TUQ. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Vì Duy Hiệp**

**PHỤ LỤC I**

**Danh mục: Mua vật tư y tế năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La**  
*(Kèm theo Công văn số: /CV-BVPY ngày 14/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên)*

| STT                                                                                                                      | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                          | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| <b>Phần I. Băng, băng, gạc, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương, vật liệu cầm máu, điều trị vết thương (30 mặt hàng)</b> |                                   |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |                  |
| 1                                                                                                                        | N01.01.010                        | Bông thấm nước                             | Bông hút nước (100% cotton) màu trắng, không bụi bẩn.<br>- Tốc độ hút nước $\leq 5s$<br>- Độ acid bazơ: trung tính<br>- Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$<br>- Độ ẩm: $\leq 8\%$<br>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                       | Kg          | 500              |
| 2                                                                                                                        | N01.01.010                        | Bông vô trùng                              | Sản phẩm được sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông dạng viên Fi20, đồng đều về kích thước và trọng lượng. Tốc độ hút nước: Thời gian chìm $\leq 5$ giây. Độ ẩm: $\leq 8\%$ ; Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Được đóng kín trong bao PE in đầy đủ thông tin về sản phẩm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016                                                                                            | Gam         | 4.000            |
| 3                                                                                                                        | N01.01.010                        | Bông tròn băng mắt                         | Bông băng mắt, màu trắng vô trùng, hình oval, kích thước 5 x 7 cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Miếng       | 2.200            |
| 4                                                                                                                        | N01.01.010                        | Bông gạc đắp vết thương 10 x 20cm vô trùng | Kích thước: 10 x 20cm. Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước $\leq 5$ giây. Chất tan trong nước $\leq 0.5\%$ . Độ pH: trung tính. Độ ẩm: 5 - 6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5% - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Cái         | 2.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                            | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 5   | N01.02.010                        | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh                | Thành phần tối thiểu : Ethanol $\geq 80\%$ , Isopropanol $\geq 7.2\%$ , Chlorhexidine gluconate $\geq 0.5\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                      | Lít         | 500              |
| 6   | N01.02.010                        | Dung dịch rửa tay phẫu thuật                 | Thành Phần:<br>Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia vừa đủ 100%<br>Chỉ định: Rửa tay thủ thuật hay phẫu thuật<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.                                                                                                                                                                                                              | Lít         | 300              |
| 7   | N01.02.030                        | Dung dịch ngâm khử khuẩn dụng cụ mức độ cao. | Dung dịch ngâm khử khuẩn mức độ cao dụng cụ y tế chứa thành phần Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6.<br>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút.<br>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)<br>Vi khuẩn : EN 14561<br>Nấm, mốc : EN 14562<br>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563<br>Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày.<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 | Lít         | 200              |
| 8   | N01.02.030                        | Dung dịch khử khuẩn mức độ cao               | Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9.<br>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút.<br>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)<br>Vi khuẩn : EN 14561<br>Nấm, mốc : EN 14562<br>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563<br>Tặng kèm test thử.<br>Cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn:<br>Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.                                                   | Lít         | 500              |
| 9   | N01.02.040                        | Chloramin B                                  | Dạng bột màu trắng. Hàm lượng Clo hoạt tính: $\geq 27\%$ (w/w). Độ tinh khiết: $\geq 99\%$ .                                                                                                                                                                                                                                                                               | Kg          | 300              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                             | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 10  | N01.02.050                        | Dung dịch tiền khử khuẩn và tẩy rửa đa Enzyme | Enzyme Protease subtilisin: $\geq 8,0\%$ (w/w), Lipase: $\geq 0,2\%$ (w/w), Amylase: $\geq 0,15\%$ (w/w), Cellulase : $\geq 0,05\%$ (w/w), Mannanase : $\geq 0,05\%$ (w/w).<br>Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate $\geq 8\%$ w/w, C9-11 Ethoxylate...<br>Chất chống ăn mòn: Benzotriazole.<br>Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine.<br>Chất tạo màu, hương liệu...<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Lít         | 200              |
| 11  | N02.01.010                        | Băng bột bó 20 x 4,6                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 20cm, chiều dài $\geq 4,6\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 400              |
| 12  | N02.01.010                        | Băng bột bó 20 x 2,7                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 20cm, chiều dài $\geq 2,7\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 500              |
| 13  | N02.01.010                        | Băng bột bó 15 x 4,6                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 15cm, chiều dài $\geq 4,6\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 500              |
| 14  | N02.01.010                        | Băng bột bó 15 x 2,7                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 15cm, chiều dài $\geq 2,7\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 200              |
| 15  | N02.01.010                        | Băng bột bó 10 x 4,6                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 10cm, chiều dài $\geq 4,6\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 500              |
| 16  | N02.01.010                        | Băng bột bó 10 x 2,7                          | Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$ . Gạc 100% Cotton.<br>Kích thước: chiều rộng 10cm, chiều dài $\geq 2,7\text{m}$ .<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cuộn        | 700              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                          | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 17  | N02.01.020                        | Băng thun<br>10cm x 4,5m                   | Băng thun màu trắng. Thành phần cấu tạo từ sợi polyester, spandex và sợi cotton. Trọng lượng $\geq 90$ g/m <sup>2</sup> , độ co giãn 200%, có kiểm tra vi sinh.<br>- Chiều dài không kéo giãn: $\geq 180$ cm.<br>- Chiều dài kéo giãn: $\geq 445$ cm.<br>- Băng đảm bảo thông thoáng, không làm hăm bí da, tia X đi qua được.<br>- Kích thước: $\geq 10$ cm x $\geq 4,5$ m. có móc cài.<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Cuộn        | 1.000            |
| 18  | N02.01.020                        | Băng thun<br>15cm x 4,5m                   | Băng thun màu trắng. Thành phần cấu tạo từ sợi polyester, spandex và sợi cotton, độ co giãn 200%, có kiểm tra vi sinh.<br>- Chiều dài không kéo giãn: $\geq 180$ cm.<br>- Chiều dài kéo giãn: $\geq 445$ cm.<br>- Băng đảm bảo thông thoáng, không làm hăm bí da, tia X đi qua được.<br>- Kích thước: $\geq 15$ cm x $\geq 4,5$ m. có móc cài.<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                          | Cuộn        | 500              |
| 19  | N02.02.020                        | Băng dính lụa<br>5cm x 5m                  | Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate.<br>- Keo gồm Zinc oxide, và các thành phần Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Lực dính 1,8-5,5 N/cm. Số sợi 44x19.5/cm.<br>- Tiêu chuẩn CE<br>- Kích thước 5cm x 5m.                                                                                            | Cuộn        | 3.000            |
| 20  | N02.01.040                        | Băng cá nhân                               | Kích thước: Rộng 19mm x 72mm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Miếng       | 100              |
| 21  | N02.03.020                        | Gạc cầu đa khoa $\Phi 30$ x 2 lớp vô trùng | Nguyên liệu: Kích thước Fi 30mm x 2 lớp hình cầu vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 100.000          |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 22  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp            | Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.. Kích thước 7,5 x 7,5cm x 6 lớp vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                            | Cái         | 50.000           |
| 23  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 8 lớp, vô trùng            | Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. Đã được tiệt trùng. Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                | Cái         | 30.000           |
| 24  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật 20 x 20cm x 3 lớp, vô trùng              | Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. Đã được tiệt trùng. Kích thước 20cm x 20cm x 3 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                | Miếng       | 30.000           |
| 25  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp, vô trùng             | Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. Đã được tiệt trùng. Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                               | Miếng       | 100.000          |
| 26  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật 10cm x 20cm x 6 lớp, vô trùng            | Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. Đã được tiệt trùng. Kích thước 10cm x 20cm x 6 lớp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                | Cái         | 30.000           |
| 27  | N02.03.020                        | Gạc phẫu thuật 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang, vô trùng | Gạc dệt (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. Đã được tiệt trùng. Kích thước 30cm x 30cm x 6 lớp, cản quang. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                     | Miếng       | 15.000           |
| 28  | N02.04.040                        | Miếng cầm máu mũi                                       | Làm bằng chất liệu PVA an toàn và mềm mại; độ thấm hút cao, có dây<br>- Duy trì môi trường ẩm ướt và thúc đẩy quá trình lành vết thương<br>- Không chứa chất xơ và không chứa latex, không gây tác dụng phụ. | Miếng       | 100              |

| STT                                                                                                          | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                        | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|                                                                                                              |                                   |                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: 80×20×15mm</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FDA</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                  |
| 29                                                                                                           | N02.04.040                        | Vật liệu cầm máu tự tiêu 5cm x 7cm x 1cm | <p>Là sản phẩm gelatin có nguồn gốc động vật giúp kiểm soát xuất huyết tại động mạch và tĩnh mạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ cầm máu: 5-10 phút; hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần.</li> <li>- Khả năng thấm hút gấp 50 lần trọng lượng.</li> <li>- Kích thước: 70x50x10mm</li> </ul>                                                                                                                                                                  | Miếng       | 5                |
| 30                                                                                                           | N02.04.040                        | Vật liệu cầm máu Spongel                 | <p>Là sản phẩm gelatin có nguồn gốc động vật giúp kiểm soát xuất huyết tại động mạch và tĩnh mạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ cầm máu: 5-10 phút; hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần.</li> <li>- Khả năng thấm hút gấp 50 lần trọng lượng.</li> <li>- Kích thước: 10x10x10mm</li> </ul>                                                                                                                                                                  | Miếng       | 100              |
| <b>Phần II. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng chăm sóc người bệnh (39 mặt hàng)</b> |                                   |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |                  |
| 31                                                                                                           | N03.01.010                        | Bơm cho ăn 50ml                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn FDA; ISO 11135; ISO 13485.</li> </ul> | Cái         | 5.000            |



| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 32  | N03.01.020                        | Bơm tiêm 1ml      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết <math>\leq 0.03\text{ml}</math>, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903, ISO 11135, ISO 13485</li> </ul> | Cái         | 5.000            |
| 33  | N03.01.020                        | Bơm tiêm 5ml      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml</li> <li>- Pít tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903, ISO 11135, ISO 13485</li> </ul>                                                                                         | Cái         | 200.000          |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa              | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 34  | N03.01.020                        | Bơm tiêm sử dụng một lần 10 ml | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2\text{ml}</math></li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903, ISO 11135, ISO 13485</li> </ul> | Cái         | 150.000          |
| 35  | N03.01.020                        | Bơm tiêm 20ml                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903, Tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135, Tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>           | Cái         | 100.000          |
| 36  | N03.01.020                        | Bơm tiêm 50ml                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</li> <li>- Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa.</li> <li>- Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</li> <li>- Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</li> <li>- Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1\text{ml}</math> để tiện sử dụng cho trẻ em</li> </ul>                                                                                                        | Cái         | 2.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                 | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                                   | - Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903, ISO 11135, ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |                  |
| 37  | N03.01.040                        | Bơm tiêm 50ml có khóa             | Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml đầu xoắn; xy lanh làm bằng nhựa nguyên sinh trong suốt, độc xilanh có kết cấu đầu xoắn (Luer lock) để kết nối chắc chắn với dây nối bơm tiêm điện; Gioăng mềm dẻo, khí và dung dịch không lọt qua gioăng ở đầu bít piston. Dễ dàng quan sát thể tích làm đầy. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Vạch chia liều lượng chính xác, rõ ràng. Bơm được sử dụng cho máy bơm tiêm điện. Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1$ ml để tiện sử dụng cho trẻ em. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903, ISO 11135, ISO 13485 | Cái         | 5.000            |
| 38  | N03.01.060                        | Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ | Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.<br>- Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI.<br>- Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ.<br>Thân kim làm bằng thép không gỉ<br>- Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời<br>- Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm<br>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).<br>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                     | Cái         | 10.000           |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 39  | N03.01.080                        | Bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ xilanh 200ml dùng cho máy bơm thuốc cân quang 1 nòng</li> <li>- Bộ sản phẩm đóng gói gồm:<br/>+ 1 ống tiêm 200ml bằng chất liệu PET trong suốt không chứa DEHP kèm piston với đầu bọc cao su tổng hợp màu đen;<br/>+ 1 ống lấy thuốc nhanh chữ J.<br/>+ 1 dây nối áp lực cao dài 150cm.</li> <li>- Chịu áp lực cao 350psi</li> <li>- Tương thích hoàn toàn với máy bơm tiêm.</li> <li>- Đạt chuẩn ISO 13485, CE, FDA 510K.</li> <li>- Tiệt khuẩn bằng công nghệ E.O.</li> </ul> | Cái         | 300              |
| 40  | N03.02.020                        | Kim cánh bướm các số            | Bộ kim 2 cánh bướm cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài $\geq 30$ cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 11135, ISO 13485.                                                                                                                                                                                  | Cái/Bộ      | 70.000           |
| 41  | N03.02.020                        | Kim chích                       | Đầu kim thép không gỉ vát ba cạnh (đầu) sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau.<br>Tiệt trùng bằng tia xạ Gamma.<br>Tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Chiếc/Cái   | 5.000            |
| 42  | N03.02.060                        | Kim lấy máu, lấy thuốc các số   | Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 11135                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 130.000          |
| 43  | N03.02.020                        | Kim tiêm nha khoa               | Kim tiêm nha khoa dùng trong gây tê nha khoa, vật liệu cao cấp dùng trong y tế. Kim được làm bằng thép không gỉ, vát cạnh sắc bén, giảm đau. Kích cỡ kim 27G, 30G. Đóng vỉ riêng từng chiếc. Tiệt trùng bằng EO gas                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | cây         | 300              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                                       | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 44  | N03.02.060                        | Kim lấy máu chân không loại đốc kim thông thường        | Sử dụng với ống lấy máu chân không để lấy máu tĩnh mạch. Tiệt trùng. Các số                                                                                                                                            | Cái         | 100.000          |
| 45  | N03.02.060                        | Kim lấy máu chân không loại hai cánh bướm               | Kim cắt vát sắc nhọn giúp lấy máu không đau, dây dẫn bằng nhựa y tế PVC an toàn, cánh màu xanh lá, khóa ren. Đóng gói từng chiếc, tiệt trùng bằng EO gas. Dùng trong lấy máu chân không. Tiêu chuẩn chất lượng châu Âu | Cái         | 50.000           |
| 46  | N03.02.070                        | Kim luyên tĩnh mạch thường (các cỡ: G16, G18, G20, G22) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim luyên tĩnh mạch có cánh, có cửa chích 16G, 18G, 20G, 22G.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485.</li> </ul>                                                                | Cái         | 30.000           |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                                         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 47  | N03.02.070                        | Kim luân tĩnh mạch an toàn các số 16G, 18G, 20G, 22G, 24G | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim có đầu bảo vệ an toàn bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn vát chéo tự động bịt đầu kim.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau.</li> <li>- Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng.</li> <li>- Ống catheter có 4 vạch cản quang làm từ chất liệu PTFE/ Teflon, FEP, PUR nhựa y tế tương thích sinh học có tính đàn hồi, chống xoắn-gập. Đầu ống catheter hình vát nón ôm sát kim giúp dễ dàng lấy ven, gây tổn thương ít, ít đau.</li> <li>- Kim có cánh có công bơm thuốc bổ xung, nắp đậy dạng bật dễ dàng.</li> <li>- Khoang bảo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven, màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền.</li> <li>- Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide).</li> <li>- Thời gian lưu kim tối đa 96 giờ.</li> <li>- 16G; Ø (1,8 x 45) mm; Flow/ Rate 200ml/ min.</li> <li>- 18G; Ø (1,3 x 45) mm; Flow/ Rate 85ml/ min.</li> <li>- 20G; Ø (1,1 x 32) mm; Flow/ Rate 55ml/ min.</li> <li>- 22G; Ø (0,9 x 25) mm; Flow/ Rate 33ml/ min.</li> <li>- 24G; Ø (0,7 x 19) mm; Flow/ Rate 18ml/ min.</li> </ul> | Cái         | 30.000           |
| 48  | N03.03.010                        | Kim chọc dò gây tê tủy sống các số 18, 20, 22, 25G        | Kim gây tê tủy sống dài 88mm.18G; 20G; 22G; 25G. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim . Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 3.000            |
| 49  | N03.04.010                        | Kim châm cứu các loại, các cỡ                             | Chất liệu thép không gỉ, sắc nhọn.<br>Tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 200.000          |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 50  | N03.05.010                        | Dây truyền dịch                     | <p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh.</p> <p>Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn.</p> <p>Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>.</p> <p>Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700\text{mm}</math>.</p> <p>Dây truyền dịch kèm kim thường.</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4, ISO 11135, ISO 13485</p> | Bộ          | 30.000           |
| 51  | N03.05.010                        | Dây truyền dịch kim bướm            | <p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>, có màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền <math>\geq 1700\text{mm}</math>. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm. Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4, ISO 11135, ISO 13485</p>                             | Bộ          | 70.000           |
| 52  | N03.05.030                        | Dây truyền máu, loại chất lượng cao | <p>Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng;</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.</p> <p>Dây dài <math>\geq 1800\text{mm}</math> làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim cỡ 18Gx1 1/2'. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc <math>200\mu\text{m}</math>, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml</p>    | Bộ          | 3.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                                     | Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |                  |
| 53  | N03.05.040                        | Dây nối 150cm (dây chịu áp lực cao) | <p>Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong <math>\leq 0,9</math> mm.</li> <li>- Đường kính ngoài <math>\leq 1,9</math>mm.</li> <li>- Chiều dài dây 150cm.</li> <li>- Tốc độ <math>\geq 0,9</math>ml/phút; áp lực <math>\geq 2</math> bar.</li> <li>- Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng).</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 11135: ISO 13485</li> </ul> | cái         | 1.000            |
| 54  | N03.05.040                        | Dây nối 75cm                        | <p>Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính trong <math>\leq 0,9</math> mm.</li> <li>- Đường kính ngoài <math>\leq 1,9</math>mm.</li> <li>- Chiều dài dây 75cm.</li> <li>- Tốc độ <math>\geq 0,9</math>ml/phút; áp lực <math>\geq 2</math> bar.</li> <li>- Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng)</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 11135, ISO 13485</li> </ul>   | Sợi/Cái     | 1.000            |



| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                                         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 55  | N03.05.060                        | Khóa 3 chạc không dây                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vặn khóa đóng mở được và khóa luer-lock.</li> <li>- Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ.</li> <li>- Khóa không hở, thông tốt, độ nhạy tốt, dễ điều chỉnh.</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485; tiêu chuẩn tiệt trùng ISO 11135</li> </ul> | Cái         | 5.000            |
| 56  | N03.06.020                        | Găng tay dài sản khoa                                     | Găng dài dùng để khám sản khoa (găng khám sản), chưa tiệt trùng dài 500 mm sản xuất từ cao su thiên nhiên phủ bột chống dính, sử dụng một lần.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.<br>Kích cỡ: size S,M,L.                                                                                                                                                                  | Đôi         | 200              |
| 57  | N03.06.030                        | Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ (có bột)          | Găng kiểm tra dùng trong y tế các cỡ S, M, L. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Độ dày tối thiểu 1 lớp 0,08mm. Chiều dài 240mm.                                                                                                                                                                                          | Đôi         | 100.000          |
| 58  | N03.06.030                        | Găng tay sử dụng trong thăm khám các cỡ (không có bột)    | Chất liệu bằng cao su thiên nhiên, không bột, có các cỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đôi         | 100.000          |
| 59  | N03.06.050                        | Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các cỡ | Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, tiệt trùng bằng khí EO, có bột. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                              | Đôi         | 40.000           |
| 60  | N03.07.030                        | Túi camera nilon vô trùng                                 | Gồm 1 túi nylon 9 cm x14cm, 1 ống nylon 18x230cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Túi         | 1.000            |
| 61  | N03.07.030                        | Túi máu đơn 250ml                                         | Gồm 1 túi dung tích 250ml. Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Túi         | 300              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                        | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 62  | N03.07.060                        | Túi nước tiểu                            | Dung tích 2000ml, có cổng xả ở đáy túi, ống dẫn vào dài 90cm, van chữ T chống trào ngược. Đã được tiệt trùng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 10.000           |
| 63  | N03.07.070                        | Ống nghiệm chống đông EDTA               | Chất liệu ống Poly Propylen, chứa Ethylenediaminetetra Acid (EDTA). Kích thước 12mm x 75mm, có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 100.000          |
| 64  | N03.07.070                        | Ống nghiệm chống đông EDTA-K2 chân không | Chất liệu: nhựa PET. Kích thước 13*75 mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu đến 2.0 ml, vô trùng. Nắp đậy ống nghiệm: nắp nhựa màu tím, nút cao su bên trong nắp được làm từ cao su và Silicon D. Ống được phun phủ K2-EDTA trên mặt trong thành ống, chịu được lực quay ly tâm gia tốc 3.500 - 4.500 vòng/ phút trong thời gian 10 phút có phiếu kiểm nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 2 CFS Châu Âu.                  | Ống         | 50.000           |
| 65  | N03.07.070                        | Ống nghiệm chống đông Heparin            | Chất liệu ống Poly Propylen, chứa Heparin Lithium. Kích thước 12mm x 75mm, có nắp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 100.000          |
| 66  | N03.07.070                        | Ống nghiệm Heparine Lithium chân không   | Chứa vật liệu hóa học Heparin Lithium chống đông máu. Thân ống làm bằng nhựa PET, trong suốt, có khả năng chịu va đập, va đập trong quá trình vận chuyển, lấy mẫu, bảo quản và xét nghiệm. Kích thước: Đường kính ngoài của ống là 13mm và chiều dài là 75mm. Thể tích máu lấy: 2ml. Nắp ống: gồm 2 phần, phần ngoài làm bằng vật liệu nhựa HDPE bảo vệ và chống nứt vỡ, lớp trong là nút cao su và silicon để duy trì trạng thái chân không. | Ống         | 50.000           |
| 67  | N03.07.070                        | Ống nghiệm thủy tinh đựng nước tiểu      | Được làm bằng thủy tinh, kích thước 16mm x 100mm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ống         | 5.000            |
| 68  | N03.07.070                        | Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu           | Ống nghiệm PP, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Có nắp đậy sẵn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 5.000            |

| STT                                                                                         | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                                           | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 69                                                                                          | N03.07.070                        | Ống nghiệm thủy tinh loại nhỏ                               | Được làm bằng thủy tinh, kích thước 12mm x 100mm.                                                                                                                                                                 | Chiếc/Cái   | 1.000            |
| <b>Phần III. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter (16 mặt hàng)</b> |                                   |                                                             |                                                                                                                                                                                                                   |             |                  |
| 70                                                                                          | N04.01.020                        | Ca - nuyen mở khí quản                                      | Được làm bằng nhựa PVC, có bóng, cong 90 độ, có đường cản quang dọc chiều dài ống. Các số.                                                                                                                        | Cái         | 100              |
| 71                                                                                          | N04.01.030                        | Ống đặt nội khí quản 1 lần các số có bóng chèn              | Ống nội khí quản được làm bằng vật liệu y tế PVC. Có bóng. Đầu được vát xung quanh giúp tránh tổn thương, có mắt Murphy. Bóng mềm áp lực thấp, thể tích cao. Có các size từ 3.0 - 10.0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. | Cái         | 1.000            |
| 72                                                                                          | N04.01.030                        | Ống đặt nội khí quản không có bóng chèn các cỡ 2,5; 3; 4; 5 | Chất liệu nhựa PCV cao cấp trong suốt. Có vạch cản quang mờ tia X nằm theo chiều dài của ống. Size 2,5 - 5. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                             | Cái         | 50               |
| 73                                                                                          | N04.01.090                        | Sonde foley 2 nhánh                                         | Sonde Foley 2 nhánh các số. Sản xuất từ cao su thiên nhiên.                                                                                                                                                       | Cái         | 3.000            |
| 74                                                                                          | N04.01.090                        | Sonde Nelaton các số                                        | Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                          | Cái         | 1.000            |
| 75                                                                                          | N04.02.020                        | Sonde cho ăn các số                                         | Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                         | Cái         | 1.000            |
| 76                                                                                          | N04.02.030                        | Sonde dẫn lưu ổ bụng                                        | Chất liệu cao su hoặc PVC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                              | Cái         | 500              |
| 77                                                                                          | N04.02.050                        | Ống hút thai (điều kinh)                                    | Ống hút thai dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                 | Cái         | 200              |
| 78                                                                                          | N04.02.060                        | Dây hút nhót                                                | Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Gồm 2 loại có nắp hoặc không có nắp. Chiều dài $\geq 50$ cm, các cỡ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                              | Cái         | 2.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 79  | N04.02.070                        | Dây hút dịch      | Chất liệu: Nhựa PVC - Đường kính trong: $\geq 8\text{mm}$ - Đường kính dày ngoài: $\geq 10\text{mm}$ - Chiều dài: 2m - Dây mềm, chịu được áp lực cao - Tiệt trùng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Bộ          | 2.000            |
| 80  | N04.03.030                        | Dây thở oxy       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Chiều dài dây dẫn chính: <math>\geq 2000\text{mm}</math>.</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí E.O.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 3.000            |
| 81  | N04.03.090                        | Sâu máy thở       | Chất liệu bằng nhựa PVC dùng trong y tế. Đầu nối: 22M/15F. Kích thước: Chiều dài $\geq 15\text{cm}$ . Được tiệt trùng bằng khí EO.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 200              |
| 82  | N04.03.120                        | Bộ dây máy thở    | Bộ dây thở dùng 1 lần sử dụng cho máy gây mê kèm thở, máy thở và tạo nên đường dẫn khí nhân tạo. Đây là đường dẫn khí gây mê và khí Oxy vào cơ thể bệnh nhân. Bộ dây được làm bằng nhựa y tế với các đầu nối tiêu chuẩn, bao gồm các đoạn dây thành trơn có nếp gấp, bẫy nước, bóng bóp, đầu nối vào bệnh nhân, đầu nối vào máy thở, cổng lấy mẫu có khoá Luer,... Bộ dây được lắp đặt dễ dàng với chất lượng tốt, không bị cong, không nguy hiểm và có thể đảm bảo luồng khí lưu thông dễ dàng trong quá trình hỗ trợ thở. Dễ dàng sử dụng, an toàn và không bị nhiễm khuẩn nhờ được tiệt trùng. Bộ 4 đoạn dây dài 80cm (mỗi nhánh gồm 2 dây, dài 1.6m), đường kính trong 22mm cho người lớn và 15mm cho trẻ em, cắt chữ Y có cổng lấy mẫu, cắt góc với cổng lấy mẫu có khoá Luer, đoạn 60cm nối với bình làm ẩm, cắt nối 2 cái 22-22. | Bộ          | 20               |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 83  | N04.04.010                        | Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter tĩnh mạch trung tâm một đường 14G x 20 cm.</li> <li>- Đầu kết nối được cấp bằng sáng chế, chống rò rỉ, kháng khuẩn.</li> <li>- Catheter làm từ chất liệu Polyurethane, không có latex, chống xoắn, chống tạo huyết khối.</li> <li>- Đầu catheter mềm, dễ dàng xâm nhập, giảm thiểu tác hại lên mạch máu.</li> <li>- Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang, có thể xác định bằng tia X-quang.</li> <li>- 01 Dây dẫn (Guide Wire) 0.035” x 60cm, guide wire làm từ thép không gỉ.</li> <li>- Đầu GuideWire hình chữ J, mềm mại.</li> <li>- 01 Syringe 5ml.</li> <li>- 01 Kim chữ Y.</li> <li>- 01 Kim nong.</li> <li>- 01 dao mổ cán nhựa.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul> | Bộ          | 20               |
| 84  | N04.04.010                        | Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng | <p>Bộ sản phẩm gồm có: 1 catheter 3 nhánh, chất liệu polyurethane, kích cỡ 7Fr x 20cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polyurethane mềm. Độ tương thích sinh học cao.</li> <li>- Đường cản quang rõ nét, đánh dấu rõ ràng.</li> <li>- Kim chữ Y.</li> <li>- Nong dẫn (dây dẫn đường - guidewire) chữ J.</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO 13485.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ          | 100              |

| STT                                                              | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 85                                                               | N04.04.010                        | Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng.      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter tĩnh mạch trung tâm hai đường 7Fr x 20 cm.</li> <li>- Đầu kết nối được cấp bằng sáng chế, chống rò rỉ, kháng khuẩn.</li> <li>- Catheter làm từ chất liệu Polyurethane, không có latex, chống xoắn, chống tạo huyết khối.</li> <li>- Đầu catheter mềm, dễ dàng xâm nhập, giảm thiểu tác hại lên mạch máu.</li> <li>- Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cản quang, có thể xác định bằng tia X-quang.</li> <li>- 01 Dây dẫn (Guide Wire) 0.035” x 60cm, guide wire làm từ thép không gỉ.</li> <li>- Đầu GuideWire hình chữ J, mềm mại.</li> <li>- 01 Syringe 5ml.</li> <li>- 01 Kim chữ Y.</li> <li>- 01 Kim nong.</li> <li>- 01 dao mổ cán nhựa.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</li> </ul> | Bộ          | 20               |
| <b>Phần IV. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật (38 mặt hàng)</b> |                                   |                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |                  |
| 86                                                               | N05.01.010                        | Kim khâu các loại, các cỡ                 | Chất liệu bằng thép không gỉ, lưỡi kim cong, mũi kim hình tam giác hoặc hình tròn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 3.000            |
| 87                                                               | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, số 1   | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ số 1, dài $\geq 100$ cm, kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 45 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Sợi         | 200              |
| 88                                                               | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene số: 2/0 | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ số 2/0 dài $\geq 90$ cm, 2 kim tròn đầu cắt 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Sợi         | 200              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                             | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                                               | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.                                                                                                                                                                                                                        |             |                  |
| 89  | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene số: 3/0     | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ số 3/0 dài $\geq 90$ cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.     | Sợi         | 500              |
| 90  | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene số: 4/0     | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ số 4/0, dài $\geq 90$ cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 22 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.    | Sợi         | 500              |
| 91  | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, các số 5/0 | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon<br>Chỉ số 5/0, dài $\geq 90$ cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.  | Sợi         | 500              |
| 92  | N05.02.030                        | Chỉ khâu không tiêu Polypropylene, các số 6/0 | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene, Kim thép không gỉ phủ silicon.<br>Chỉ số 6/0, dài $\geq 60$ cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE. | Sợi         | 200              |
| 93  | N05.02.030                        | Chỉ Prolen 7.0                                | Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 7/0, dài $\geq 60$ cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm.<br>Đóng gói bằng giấy tiệt trùng.                                                                                                                         | Tép         | 130              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                           | Đạt tiêu chuẩn ISO                                                                                                                                                                                                                        |             |                  |
| 94  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 1   | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 1, dài 75cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                            | Sợi         | 200              |
| 95  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 2/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 2/0 dài $\geq 75$ cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                   | Sợi         | 200              |
| 96  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 3/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 3/0 dài $\geq 75$ cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                   | Sợi         | 500              |
| 97  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 4/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 4/0 dài $\geq 75$ cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                   | Sợi         | 500              |
| 98  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 5/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, số 5/0 dài $\geq 75$ cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                   | Sợi         | 500              |
| 99  | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 6/0 | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide, 6/0 dài $\geq 45$ cm, Kim tam giác 3/8c, kim phủ silicon làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                      | Sợi         | 200              |
| 100 | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 7/0 | Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 7/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. | Sợi         | 200              |



| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 101 | N05.02.030                        | Chỉ Nylon liên kim số 8/0           | Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi vô trùng được làm từ polyamide 6/6.6 số 8/0, dài $\geq 30$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 6 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon.<br>Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                            | Sợi         | 200              |
| 102 | N05.02.030                        | Chỉ Nylon 10.0                      | Chỉ không tan tổng hợp Carelon (Nylon) số 10/0, dài $\geq 30$ cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6mm;<br>Tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tép         | 100              |
| 103 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim Polyglactin số: 0 | - Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.<br>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.<br>'- Kim thép không gỉ phủ silicon.<br>- Kích thước:<br>+ Chỉ số 0, dài $\geq 90$ cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA | Sợi         | 1.000            |
| 104 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim Polyglactin số: 1 | - Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.<br>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.<br>'- Kim thép không gỉ phủ silicon.<br>- Kích thước:<br>+ Chỉ số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm.                                             | Sợi         | 2.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                                        | Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |                  |
| 105 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim<br>Polyglactin số: 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.</li> <li>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.</li> <li>- Kim thép không gỉ phủ silicon.</li> <li>- Kích thước:<br/>+ Chỉ số 2, dài <math>\geq 90</math> cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm.</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA | Sợi         | 1.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                        | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 106 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim<br>Polyglactin số: 2/0 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.</li> <li>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.</li> <li>- Kim thép không gỉ phủ silicon.</li> <li>- Kích thước:<br/>+ Chỉ số 2/0, dài <math>\geq 75</math>cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm.</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA | Sợi         | 2.000            |
| 107 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim<br>Polyglactin số: 3/0 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.</li> <li>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.</li> <li>- Kim thép không gỉ phủ silicon.</li> <li>- Kích thước:<br/>+ Chỉ số 3/0, dài <math>\geq 75</math>cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA  | Sợi         | 2.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                     | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 108 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim Polyglactin số: 4/0 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.</li> <li>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.</li> <li>'- Kim thép không gỉ phủ silicon.</li> <li>- Kích thước:<br/>+ Chỉ số 4/0, dài <math>\geq 75</math>cm, kim tròn 1/2c, dài 20 mm</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA | Sợi         | 1.000            |
| 109 | N05.02.050                        | Chỉ khâu liên kim Polyglactin số: 5/0 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ được cấu thành từ một copolymer có thành phần tối thiểu 90% glycolide và 10% L-lactide. Được phủ Polyglactin 370 và Calcium stearate giúp tăng độ trơn và chống sòn chỉ. Chỉ được nhuộm màu tím hoặc không nhuộm.</li> <li>- Giữ vết khâu tốt nhất trong vòng 30 ngày. Thời gian tan hoàn toàn (phân hủy bởi quá trình thủy phân) từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ.</li> <li>'- Kim thép không gỉ phủ silicon.</li> <li>- Kích thước:<br/>+ Chỉ số 5/0, dài <math>\geq 75</math>cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA | Sợi         | 1.000            |
| 110 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chặm Catgut Chrom số 0  | Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 0, dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2c. Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Sợi         | 500              |
| 111 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chặm Catgut Chrom số 1  | Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut; Đóng gói bằng giấy tiệt trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C 40mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sợi         | 100              |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 112 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 2/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut; Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Chỉ dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2C 26mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                         | Sợi         | 100              |
| 113 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 2   | Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2, dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2c, dài 50 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon, Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                           | Sợi         | 100              |
| 114 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 3/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên các số dài $\geq 75$ cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                         | Sợi         | 1.000            |
| 115 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 4/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Kim thép không gỉ phủ silicon. | Sợi         | 600              |
| 116 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 5/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 5/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 12 mm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Kim thép không gỉ phủ silicon. | Sợi         | 100              |
| 117 | N05.02.050                        | Chỉ khâu tiêu chậm Catgut Chrom số 6/0 | Chỉ tan chậm tự nhiên Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 6/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 12 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde.                                                                                                | Sợi         | 100              |
| 118 | N05.02.070                        | Chỉ thép liên kim các số               | Chỉ thép, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 1/2c, dài 55 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon.<br>Đóng gói bằng giấy tiết trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả.                                                                                      | Sợi         | 30               |
| 119 | N05.02.030                        | Chỉ khâu silk 3.0                      | Chỉ không tan tự nhiên Silk số 3/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon.                                                                                                                                                 | Sợi         | 40               |

| STT                                                                       | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 120                                                                       | N05.02.031                        | Chỉ khâu silk 5.0                               | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 5/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon                                                                                                                                             | Sợi         | 50               |
| 121                                                                       | N05.02.032                        | Chỉ khâu silk 4.0                               | Chỉ không tan tự nhiên Caresilk (Silk) số 4/0, dài $\geq 75$ cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép không gỉ phủ silicon.                                                                                                                                            | Sợi         | 60               |
| 122                                                                       | N05.02.033                        | Chỉ khâu silk 6.0                               | Chỉ không tan đa sợi tự nhiên silk: số 6/0 dài $\geq 45$ cm kim tam giác 3/8C dài 12mm. Kim thép không gỉ phủ silicone.                                                                                                                                                  | Sợi         | 55               |
| 123                                                                       | N05.03.080                        | Lưỡi dao mổ các số                              | Chất liệu thép không gỉ.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 15.000           |
| <b>Phần V. Vật tư y tế sử dụng trong một số chuyên khoa (16 mặt hàng)</b> |                                   |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |                  |
| 124                                                                       | N07.03.240                        | Điện cực tim                                    | Gồm nền xốp và gel dính với keo Acrylate<br>Một cảm biến phân tử bạc/bạc clorua, chất lượng cao, truyền tín hiệu tốt.<br>Hình dạng chữ nhật, kích thước tối thiểu: 3,7 cm x 3,3 cm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                         | Cái         | 10.000           |
| 125                                                                       | N07.04.070                        | Lưới điều trị thoát vị Polypropylene 10 x 15 cm | Lưới điều trị thoát vị giải phẫu chất liệu Polypropylene, kích thước tối thiểu: 15 x 10cm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                  | Miếng       | 15               |
| 126                                                                       | N07.06.020                        | Túi treo tay các cỡ                             | Làm từ vải cotton, dây đai, khóa nhựa. Sản phẩm được thiết kế hình túi nâng đỡ tay, có dây đai quấn qua vai và cổ giúp nâng đỡ tay. Trong túi có khóa để giữ ngón tay cái, hệ thống khóa nhựa giúp điều chỉnh và tháo lắp dễ dàng.. Gồm tối thiểu các cỡ XS, S, M, L, XL | Cái         | 30               |
| 127                                                                       | N07.06.040                        | Đinh Kirschner đường kính các cỡ                | Đinh Kisner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đường kính đinh từ 1.0 mm - 3.0 mm. Chiều dài đinh các kích thước từ 100 - 300 mm.                                                                                                                                      | Cái         | 30               |
| 128                                                                       | N07.06.040                        | Nẹp lòng máng 1/3                               | Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; Số lỗ trên thân nẹp: từ 3 đến 12 lỗ. Chất liệu thép không gỉ.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                                                                                                    | Cái         | 10               |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 129 | N07.06.040                        | Nẹp bản hẹp các cỡ               | Dày 4,0mm; rộng 12,0mm Có 02-16 lỗ. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                     | Cái         | 10               |
| 130 | N07.06.040                        | Nẹp bản rộng các cỡ              | Dày 5,0mm; rộng 16,0mm Có 04 đến 16 lỗ. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                 | Cái         | 10               |
| 131 | N07.06.040                        | Nẹp bản nhỏ các cỡ               | Dày 3,5mm; rộng 9,5mm Có 04-14 lỗ. Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                      | Cái         | 10               |
| 132 | N07.06.040                        | Nẹp chữ T dùng vít 3.5 mm các cỡ | Nẹp xương quay chữ T, sử dụng vít xương 3.5mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                                   | Cái         | 10               |
| 133 | N07.06.040                        | Nẹp chữ T dùng vít 4.5 mm các cỡ | Nẹp chữ T 3 lỗ - 8 lỗ, chất liệu thép dùng trong y tế, không rỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                | Cái         | 10               |
| 134 | N07.06.040                        | Nẹp chữ L trái, phải các cỡ      | Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                      | Cái         | 5                |
| 135 | N07.06.040                        | Nẹp mắt xích các cỡ              | Dày 2,7mm; rộng 10,0mm Có 04 đến 22 lỗ Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; CE.                                                  | Cái         | 10               |
| 136 | N07.06.040                        | Vít xỏ các cỡ                    | Chất liệu thép không gỉ, Đạt tiêu chuẩn CE.                                                                                                             | Cái         | 50               |
| 137 | N07.06.040                        | Vít xương cứng đường kính 3,5mm  | Vít xương cứng 3.5mm, chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 130mm, đầu vít lục giác, chất liệu làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001. | Cái         | 70               |
| 138 | N07.06.040                        | Vít xương cứng đường kính 4,5mm  | Vít xương cứng 4.5mm, chiều dài trong khoảng từ 10mm đến 130mm, đầu vít lục giác, chất liệu làm bằng thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001. | Cái         | 50               |

| STT                                                                              | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa    | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 139                                                                              | N07.06.080                        | Tay dao điện         | Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ, đường kính 2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời. Chiều dài điện cực: khoảng 70mm. Chiều dài cáp: 3m Chiều dài tay cầm: 155mm. Loại chân cắm: 3 chân tròn (3 x Ø4mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 400              |
| <b>Phần VI. Vật tư y tế sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác (49 mặt hàng)</b> |                                   |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |                  |
| 140                                                                              | N08.00.190                        | Đầu côn xanh 1000 ul | Đầu côn xanh dung tích 1000ul, làm từ nhựa PP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 20.000           |
| 141                                                                              | N08.00.190                        | Đầu côn vàng         | Đầu côn vàng dung tích 200ul, làm từ nhựa PP, không kim loại,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 20.000           |
| 142                                                                              | N08.00.240                        | Đè lưỡi gỗ           | Thành phần cấu tạo: Que gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh.<br>Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.<br>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 100.000          |
| 143                                                                              | N08.00.260                        | Hemoclip             | Chất liệu: Polymer không tiêu, tương thích sinh học cao, không hấp thụ, không cản quang, không gây nhiễu CT, MRI hoặc X-quang. Thiết kế: hình cánh cung có phạm vi tác dụng lớn và lực đồng đều. Chốt an toàn giúp cảm nhận và phản hồi xúc giác và thính giác. Bản lề điều chỉnh độ đàn hồi một cách linh hoạt. Các gờ tích hợp ngăn ngừa kẹp bị trượt và kẹp bị dịch chuyển ra khỏi mạch máu, đảm bảo thắt chặt an toàn. Kích thước mạch máu kẹp: 3-10mm; 5-13mm; 7-16mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 1385. | Cái         | 1.000            |
| 144                                                                              | N08.00.260                        | Kẹp rốn              | Chất liệu: nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 5.000            |



| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 145 | N08.00.310                        | Mask khí dung                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh.</li> <li>- Dây dẫn có chiều dài 2m, lòng ống có khóa chống gập được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn.</li> <li>- Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân.</li> <li>- Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.</li> <li>- Các cỡ: S, M, L, XL.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).</li> </ul> | Cái         | 400              |
| 146 | N08.00.310                        | Mặt nạ thở ô-xy                 | Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố. Chiều dài dây dẫn: $\geq 2$ m. Có thanh nhôm mềm dẻo. Có dây chun cố định. Có các cỡ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 200              |
| 147 | N08.00.340                        | Filter lọc khuẩn máy thở gây mê | <p>Có cổng luer xoay và nắp lọc tĩnh điện</p> <p>Sự kháng (tại 30LPM): 60PA</p> <p>Không gian chết: 32ml</p> <p>Thể tích: 250-1500ml</p> <p>Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,9%</p> <p>Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,9%</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 50               |
| 148 | N00.00.000                        | Giấy in nhiệt                   | Kích thước: 5,8cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cuộn        | 1.000            |
| 149 | N00.00.000                        | Hộp đựng kim tiêm y tế an toàn  | <p>Chất liệu: Giấy duplex.</p> <p>Kích thước tối thiểu: (150 x 120 x 270)mm.</p> <p>Dung tích tối thiểu 5 Lít.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 5.000            |
| 150 | N00.00.000                        | Lam kính hiển vi, trong suốt    | Chất liệu kính Soda vôi, trong suốt, bề mặt phẳng, không mốc. Độ dày 1.0-1.2 mm. Kích thước 25.4*76.2 mm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp         | 2.000            |
| 151 | N00.00.000                        | Mũ giấy y tế                    | Mũ phẫu thuật làm từ vải không dệt. Tiệt trùng bằng khí EO.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 20.000           |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                     | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                               | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 152 | N00.00.000                        | Khẩu trang giấy y tế 3 lớp tiệt trùng | Thành phần cấu tạo: Vải không dệt 3 lớp, dây thun móc tai, nẹp mũi nhựa hoặc kim loại.<br>- Lớp ngoài cùng: Vải không dệt không hút nước<br>- Lớp giữa: Lớp lọc kháng khuẩn<br>- Lớp trong cùng: Vải không dệt không hút nước<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                       | Cái         | 80.000           |
| 153 | N00.00.000                        | Pipet nhựa 3ml                        | Chất liệu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.                                                                                                                                                                               | Chiếc/Cái   | 3.000            |
| 154 | N00.00.000                        | Thuốc nhuộm Gram                      | Bộ nhuộm dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm vi sinh vật theo phương pháp Gram. Bộ bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet 01 chai 250ml, Lugol 01 chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) 01 chai 250ml và Safranin 01 chai 250ml.                          | Bộ          | 5                |
| 155 | N00.00.000                        | Thuốc nhuộm Ziehl-Neelsen             | Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bộ bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần: Carbol Fuchsin 01 chai 250ml, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) 01 chai 250ml và Methylene Blue 01 chai 250ml.<br>Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm. | Bộ          | 10               |
| 156 | N00.00.000                        | Dầu soi kính hiển vi                  | Dùng soi kính hiển vi, chai $\geq 500$ ml                                                                                                                                                                                                                                       | ml          | 1.000            |
| 157 | N00.00.000                        | Fuji IX hoặc Composite                | Tăng cường phóng thích Fluoride<br>- Độ trong mờ tuyệt vời giúp cải thiện thẩm mỹ<br>- Tăng cường tái khoáng hóa từ bên trong<br>- Đông cứng nhanh nhưng đủ thời gian làm việc của vật liệu<br>- Đóng gói: 1 chai bột 15g/1 chai nước 8g (6.4ml)                                | Tuýp        | 10               |
| 158 | N00.00.000                        | Đai trám                              | Đai trám                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 10               |
| 159 | N00.00.000                        | Tăm bông nha khoa                     | Tăm bông nha khoa                                                                                                                                                                                                                                                               | Hộp         | 10               |
| 160 | N00.00.000                        | Chỉ co nướu                           | Được sử dụng để co nướu trước khi lấy dấu và loại bỏ máu, nước bọt và dịch mô còn sót lại.                                                                                                                                                                                      | Lọ          | 5                |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                | Thông số kỹ thuật                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 161 | N00.00.000                        | Chổi đánh bóng                   | Gồm một tay cầm kim loại và một đầu làm việc. Tay cầm kim loại được kết nối với tay cầm nha khoa và đầu làm việc là một bàn chải. | Cái         | 200              |
| 162 | N00.00.000                        | Bột đánh bóng                    | Sò đánh bóng nha khoa                                                                                                             | Cốc         | 50               |
| 163 | N00.00.000                        | Axít etching                     | Dạng gel dùng trong nha khoa                                                                                                      | Ống         | 10               |
| 164 | N00.00.000                        | Gel siêu âm                      | Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, không có formaldehyde. , Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.            | Lít         | 1.000            |
| 165 | N00.00.000                        | Gel bôi trơn KY                  | Gel bôi trơn , Tuýp 82gam                                                                                                         | Tuýp        | 300              |
| 166 | N00.00.000                        | Bộ Ambu bóp bóng                 | Cấu tạo gồm: Bóp bóng ambu, mặt nạ, dây dẫn khí, túi chứa khí. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                          | Cái         | 50               |
| 167 | N00.00.000                        | Giấy điện tim 6 cần có dòng kẻ   | Kích thước: 110mm x 140mm, có dòng kẻ. Tương thích với máy điện tim 6 cần.                                                        | Tập         | 2.000            |
| 168 | N00.00.000                        | Giấy điện tim 3 cần có dòng kẻ   | Kích thước: 8cm x 20m, có dòng kẻ. Tương thích với máy điện tim 3 cần.                                                            | Tập         | 1.500            |
| 169 | N00.00.000                        | Giấy in ảnh siêu âm đen trắng    | Kích thước tối thiểu: Rộng: 110mm x Dài 20m/cuộn                                                                                  | Cuộn        | 500              |
| 170 | N00.00.000                        | Viên khử khuẩn                   | Dạng viên sủi để khử khuẩn. Thành phần: Troclosense Sodium 2,5g.                                                                  | Viên        | 1.000            |
| 171 | N00.00.000                        | Băng keo chỉ thị nhiệt (hấp ướt) | Băng keo chỉ thị nhiệt dùng cho tiết trùng ướt. Kích thước: Rộng 24mm, dài $\geq 55$ m.                                           | Cuộn        | 20               |
| 172 | N00.00.000                        | Test chỉ thị hóa học             | Bao gồm: 1 bắc giấy và viên hóa học nhạy cảm với hơi nước và nhiệt độ.                                                            | Cái         | 1.000            |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                            | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 173 | N00.00.000                        | Keo dán Composite                            | Keo dán quang trùng hợp 1 thành phần liên kết an toàn vào men răng tự nhiên; Phục hình composite trực tiếp trên răng tự nhiên; Phục hình gián tiếp bằng composite và sứ với vật liệu composite quang trùng hợp hoặc lưỡng trùng hợp. Sửa chữa phục hình composite bị nứt vỡ. Chai $\geq 5$ ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. | Lọ          | 5                |
| 174 | N00.00.000                        | Dầu Paraphin                                 | Dung dịch trong suốt, không màu, không mùi, không vị                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lít         | 20               |
| 175 | N00.00.000                        | Bơm Karman 1 van                             | Loại 1 van. Dung tích: 60cc (ml)<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 5                |
| 176 | N00.00.000                        | Giấy in monitor sản khoa                     | Kích thước: 150mm x 100mm, $\geq 150$ tờ, Sử dụng trên các máy Monitor sản khoa, dùng để in kết quả sau đo.                                                                                                                                                                                                              | Tập         | 30               |
| 177 | N09.00.010                        | Bóng hồng ngoại                              | Bóng đèn hồng ngoại công suất cực đại 220V/50Hz- 250W.                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 4                |
| 178 | N00.00.000                        | Ly súc miệng                                 | Chất liệu nhựa dùng một lần. Dùng trong nha khoa.                                                                                                                                                                                                                                                                        | cái         | 500              |
| 179 | N08.00.330                        | Mũi khoan kim cương (đánh bóng và mài chỉnh) | Mũi khoan: Tinh thể kim cương gắn với kim loại cơ bản Chuôi: Thép không gỉ                                                                                                                                                                                                                                               | cái         | 20               |
| 180 | N08.00.330                        | Mũi khoan Hight speed                        | Mũi khoan: Tinh thể kim cương gắn với kim loại cơ bản Chuôi: Thép không gỉ                                                                                                                                                                                                                                               | cái         | 30               |
| 181 | N00.00.000                        | Giấy sát khuẩn tay khoan                     | Hoạt chất: Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride 0,45 % (w/w), Isopropanol 28 % (w/w).<br>Kích thước tối thiểu: 15 x 20cm.<br>Hộp 100 khăn.<br>Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc.                                                                                                                                    | hộp         | 5                |
| 182 | N04.02.060                        | Ống hút nước bọt                             | Chất liệu nhựa                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 300              |
| 183 | N00.00.000                        | Que gòn rửa vết thương                       | Que gòn với 100% bông tự nhiên, được dùng để rửa vết thương.                                                                                                                                                                                                                                                             | cái         | 5.000            |

| STT                                      | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 184                                      | N00.00.000                        | Bas điện tim                           | KT: 50mm, dạng hình tròn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Miếng       | 50               |
| 185                                      | N00.00.000                        | Vôi Soda                               | Vôi soda. Cỡ hạt 2.5 -> 5.0mm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Kg          | 45               |
| 186                                      | N00.00.000                        | Mask gây mê                            | Được làm bằng nhựa PVC, không có Latex. 7 cỡ: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6#                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 50               |
| 187                                      | N00.00.000                        | Đầu hút mũi                            | Chất liệu: nhựa y tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 100              |
| 188                                      | N00.00.000                        | Ống xông mũi - họng                    | Bầu xông và ống ngậm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ống         | 100              |
| <b>Phần VII. Phim y tế (03 mặt hàng)</b> |                                   |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |             |                  |
| 189                                      | N07.01.500                        | Phim khô Laser 20x25cm (8x10 inch)     | Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester.<br>Tương thích với máy in Phim in laser Trimax Txe, với mật độ hình ảnh tối đa khoảng Dmax 3.0.<br>Kích thước: 20*25cm<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, FDA                                                                                                                                                                                                                                                         | Tờ          | 18.000           |
| 190                                      | N07.01.500                        | Phim khô Laser 25x30cm (10x12 inch)    | Phim được phủ trên nền màu xanh lam, hỗ trợ khoảng 7-mil polyester. Tương thích với máy in Phim in laser Trimax Txe, với mật độ hình ảnh tối đa khoảng Dmax 3.0.<br>Kích thước: 25*30cm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE và FDA.                                                                                                                                                                                                                                                        | Tờ          | 18.000           |
| 191                                      | N07.01.500                        | Phim X-quang y tế 35x43cm (14x17 inch) | - Công nghệ in phim kỹ thuật số trực tiếp DDI<br>- Mật độ quang học: $\geq 3.1$<br>- Phim nạp lộ sáng, không bị ảnh hưởng (hỏng phim) bởi ánh sáng ban ngày - Có nền polyethylene terephthalate (PET) dày 168 $\mu\text{m}$ , lớp muối bạc hữu cơ ( $\leq 1.0 \text{ g/m}^2$ ), chất kết dính hữu cơ, các chất phụ gia và lớp bảo vệ trong suốt bên ngoài.<br>- Phim sản xuất chính hãng và tương thích với các dòng máy in phim khô Agfa.<br>- Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc. | Tờ          | 15.000           |

| STT                                              | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa             | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|                                                  |                                   |                               | - Xuất xứ hàng hóa: Châu Âu.                                                                                                                                           |             |                  |
| <b>Phần VIII. Vật tư y tế khác (60 mặt hàng)</b> |                                   |                               |                                                                                                                                                                        |             |                  |
| 192                                              | N00.00.000                        | Giá đỡ ống nghiệm (nước tiểu) | Giá đỡ ống nghiệm đựng nước tiểu. Chất liệu: Inox, 2 hàng. 20 lỗ                                                                                                       | Chiếc/Cái   | 30               |
| 193                                              | N00.00.000                        | Pipet man 20-200              | Loại đơn kênh, thay đổi được thể tích 20 -200µl                                                                                                                        | Chiếc/Cái   | 1                |
| 194                                              | N00.00.000                        | Pipet man 100-1000            | Pipet hút mẫu, thể tích hút từ 100- 1000µl. Bước điều chỉnh: 5,0µl; Sai số hệ thống: 2/1,0/0,6% tại 100/500/1000µl; Sai số ngẫu nhiên: 0,7/0,4/0,2% tại 100/500/1000µl | Chiếc/Cái   | 1                |
| 195                                              | N00.00.000                        | Khay quả đậu                  | Kích thước: 20cmx13cmx2,5cm Được làm bằng chất liệu Inox không gỉ                                                                                                      | Cái         | 20               |
| 196                                              | N00.00.000                        | Bộ khám nha khoa              | Một bộ gồm:<br>01 Thăm trầm nha khoa, chất liệu thép không gỉ.<br>01 Gương nha khoa có cán<br>01 Kẹp phẫu tích 16cm                                                    | Cái         | 20               |
| 197                                              | N00.00.000                        | Cây bóc tách lợi              | Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ                                                                                                                           | Chiếc       | 2                |
| 198                                              | N00.00.000                        | Cây tạo hình Composite        | Dụng cụ trám nha khoa                                                                                                                                                  | Cái         | 7                |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa               | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 199 | N00.00.000                        | Bộ đặt nội khí quản (5 lưỡi)    | 01 Lưỡi cong Macintosh số 0 .<br>01 Lưỡi cong Macintosh số 1<br>01 Lưỡi cong Macintosh số 2<br>01 Lưỡi cong Macintosh số 3<br>01 Lưỡi cong Macintosh số 4<br>01 Cán trung                                                                                                                                                                                                 | Bộ          | 3                |
| 200 | N00.00.000                        | Bộ thay băng cắt chỉ            | Một bộ gồm:<br>01 Kẹp phẫu tích có mẫu 16cm<br>01 Kẹp phẫu tích không mẫu 16cm<br>01 Kẹp phẫu thuật cong không mẫu 18cm                                                                                                                                                                                                                                                   | Bộ          | 2                |
| 201 | N00.00.000                        | Bát inox                        | Chất liệu Inox đường kính 8cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 20               |
| 202 | N00.00.000                        | Hộp inox chữ nhật               | Chất liệu inox kích thước 23x11x5cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hộp         | 20               |
| 203 | N00.00.000                        | Bộ dụng cụ tiểu phẫu 9 chi tiết | Một bộ gồm:<br>01 Cán dao mổ số 4<br>01 Kẹp phẫu thuật thẳng 14cm<br>01 Kéo phẫu thuật Standard Nhọn-nhọn cong 14,5cm.<br>01 Kẹp phẫu thuật Coller-Crile cong 14cm<br>01 Kẹp kim phẫu thuật Mayo - Hegar thẳng 14cm<br>01 Kéo phẫu thuật Standard Tù - tù thẳng 14.5cm<br>01 Kéo phẫu thuật Iris cong 11.5cm<br>01 Kẹp phẫu thích Ason 12cm<br>01 Kẹp phẫu tích cong 12cm | Bộ          | 2                |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 204 | N00.00.000                        | Bộ dụng cụ tiêu phẫu 5 chi tiết     | Một bộ gồm:<br>01 Kẹp phẫu tích có mấu 12cm<br>01 Kéo phẫu thuật Standard Nhọn -nhọn thẳng 15cm<br>01 Đe lưỡi inox 19*23mm<br>01 Kẹp phẫu tích có mấu 16cm<br>01 Cán dao mổ số 3 | Bộ          | 2                |
| 205 | N00,00,000                        | Kéo cắt bông, gạc                   | Kéo cắt bông, gạc, chất liệu thép không gỉ. Kích thước: từ 18cm đến 23cm.                                                                                                        | Cái         | 10               |
| 206 | N00,00,000                        | Kéo thẳng tù 16cm                   | Chất liệu thép không gỉ, kéo tù. Kích thước 16cm.                                                                                                                                | Cái         | 30               |
| 207 | N00.00.000                        | Kéo thẳng tù 18cm                   | Chất liệu thép không gỉ. Chiều dài 18cm                                                                                                                                          | Cái         | 10               |
| 208 | N00,00,000                        | Kéo thẳng nhọn 16cm                 | Chất liệu thép không gỉ, kéo nhọn. Kích thước 16cm.                                                                                                                              | Cái         | 10               |
| 209 | N00,00,000                        | Kéo thẳng nhọn 20cm                 | Chất liệu thép không gỉ. Kích thước 20cm.                                                                                                                                        | Cái         | 5                |
| 210 | N00.00.000                        | Kéo cong nhọn 18cm                  | Kích thước: 18cm ( $\pm 5\%$ ) Chất liệu thép không gỉ                                                                                                                           | Cái         | 10               |
| 211 | N00.00.000                        | Kéo thẳng 1 đầu tù, 1 đầu nhọn 20cm | Chất liệu thép không gỉ, 1 đầu nhọn, 1 đầu tù. Kích thước 20cm.                                                                                                                  | Cái         | 5                |
| 212 | N00.00.000                        | Kéo phẫu thuật cong 18cm            | Chất liệu thép không gỉ, kéo cong. Kích thước 18cm.                                                                                                                              | Cái         | 10               |
| 213 | N00,00,000                        | Kéo cắt chỉ                         | Chất liệu thép không gỉ. Kích thước: $\geq 10$ cm.                                                                                                                               | Cái         | 20               |
| 214 | N00.00.000                        | Kìm găm xương                       | Kích thước: 20cm Tiêu chuẩn : ISO 13485                                                                                                                                          | Cái         | 2                |
| 215 | N00.00.000                        | Kìm cắt xương                       | Kìm cắt xương Liston, dài 19 cm. Làm bằng chất liệu thép không                                                                                                                   | Cái         | 1                |



| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                             | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
|     |                                   |                           | gỉ.                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |                  |
| 216 | N00.00.000                        | Kìm giữ xương to          | Kẹp giữ xương phẫu thuật Lane có khóa, 33cm. Chất liệu thép không rỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                      | Cái         | 2                |
| 217 | N00.00.000                        | Panh tiêm                 | Kẹp phẫu thuật thẳng 18cm.                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái         | 20               |
| 218 | N00.00.000                        | Panh thẳng không máu 18cm | Chất liệu thép không gỉ, panh thẳng, không máu. Kích thước 18cm.                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 20               |
| 219 | N00.00.000                        | Panh cong không máu 20cm  | Chất liệu thép không gỉ, panh cong, không máu. Kích thước 20cm.                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 10               |
| 220 | N00.00.000                        | Phẫu tích có máu 18cm     | Chất liệu thép không gỉ, có máu. Kích thước 18cm.                                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 20               |
| 221 | N00.00.000                        | Phẫu tích không máu 20cm  | Chất liệu thép không gỉ, không máu. Kích thước 20cm.                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 10               |
| 222 | N00.00.000                        | Phẫu tích không máu 18cm  | Chất liệu thép không gỉ, không máu. Kích thước 18cm.                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 10               |
| 223 | N00.00.000                        | Bộ hồi sức sơ sinh        | Cấu hình yêu cầu:<br>- Bóng bóp bằng silicone cỡ sơ sinh: 01 cái<br>- Mặt nạ bằng silicone số 0: 01 cái<br>- Túi trộn khí ( túi trữ khí )Oxy: 01 cái<br>- Dây dẫn Oxy: 01 cái<br>- Bánh miệng các cỡ 40mm, 50mm, 60mm: 01 bộ - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ | Bộ          | 2                |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa      | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 224 | N00.00.000                        | Bộ thông tĩnh mạch rốn | Một bộ gồm:<br>01 Cán dao mổ số 3 Standard.<br>01 Kéo phẫu thuật Iris thẳng 11.5cm<br>02 Kẹp phẫu tích Adson 12 cm.<br>01 Kẹp phẫu tích Adson - Micro 1x2T 12cm<br>01 Kẹp phẫu thuật Kelly cong 14cm                                                                                                   | Bộ          | 2                |
| 225 | N00.00.000                        | Cốc inox               | Chất liệu Innox. Đường kính khoảng 8cm.                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái         | 6                |
| 226 | N00.00.000                        | Bộ chích chấp lẹo      | Bộ gồm: 1 thìa nạo trẻ em, 1 thìa nạo người lớn, 1 kẹp chấp người lớn, 1 kẹp chấp trẻ em.                                                                                                                                                                                                              | Bộ          | 2                |
| 227 | N00.00.000                        | Nhiệt kế thủy ngân     | Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân.<br>Phạm vi đo: 32- 42°C.                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 500              |
| 228 | N00.00.000                        | Huyết áp, tai nghe     | Máy đo huyết áp: Quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao. Tích hợp ống nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không đau tai.<br>Xuất xứ: Các nước G7 | Bộ          | 50               |
| 229 | N00.00.000                        | Bộ huyết áp trẻ em     | Máy đo huyết áp: Quả bóp làm bằng chất liệu cao su, van xả khí được mạ Crom nhằm chống oxy hóa và có độ bền cao, mặt đồng hồ được làm bằng kính chịu lực cao cấp, vạch chia từ 20 ~ 300mmHg, độ chính xác cao. Tích hợp ống nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không đau tai.<br>Xuất xứ: Các nước G7 | Bộ          | 2                |
| 230 | N00.00.000                        | Cọc truyền             | Chất liệu bằng inox 201, không gỉ.<br>Kích thước: Cao 1200 – 2000 mm.                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 50               |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                   | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 231 | N00.00.000                        | Túi cứu thương                      | Túi cứu thương chuyên dụng y tế, kích thước 35cm x 22cm x 22cm. Có dây đeo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái         | 10               |
| 232 | N00.00.000                        | Khay chữ nhật                       | Khay đựng dụng cụ hình chữ nhật, chất liệu bằng thép không gỉ. Kích thước tối thiểu (dài x rộng): 30cm x 20cm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 20               |
| 233 | N00.00.000                        | Dụng cụ giữ xương, kẹp sãng có chốt | Kẹp giữ xương phẫu thuật, Kích thước 20,5cm. Chất liệu thép không gỉ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Cái         | 2                |
| 234 | N00.00.000                        | Kim chọc xoang                      | Kim chọc xoang $\phi 2.0\text{mm}$ hoặc $\phi 1.8\text{mm}$ dài 10,5cm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái         | 5                |
| 235 | N00.00.000                        | Bộ dụng cụ phẫu thuật amidan/VA     | Gồm tối thiểu 18 chi tiết:<br>1. Bộ dụng cụ banh miệng;<br>2. Dụng cụ đè lưỡi Lack 13mm - 12cm;<br>3. Dụng cụ đè lưỡi Lack 19mm - 12cm;<br>4. Dụng cụ đè lưỡi Lack 22mm - 12cm;<br>5. Dao phẫu thuật amidan 17mm, 23cm;<br>6. Kéo phẫu thuật cong 18cm;<br>7. Kéo cắt chỉ Heath 15cm;<br>8. Kẹp phẫu thuật cong 18cm;<br>9. Kẹp phẫu thuật Pean thẳng 18cm;<br>10. Kẹp kim phẫu thuật thẳng 18cm;<br>11. Kẹp khăn phẫu thuật Backhaus 09cm;<br>12. Kẹp phẫu tích Semken thẳng 1x2T 15cm;<br>13. Kẹp phẫu tích Semken thẳng 15cm;<br>14. Cán dao mổ số 3 Standard;<br>15. Nạo phẫu thuật thẳng 10mm, 22cm, số 1;<br>16. Nạo phẫu thuật thẳng 12mm, 22cm, số 2;<br>17. Nạo phẫu thuật thẳng 14mm, 22cm, số 3;<br>18. Vòng giữ dụng cụ tiết trùng 14cm.<br>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 | Bộ          | 2                |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa                  | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                        | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 236 | N00.00.000                        | Bộ dụng cụ trích rạch màng nhĩ     | Một bộ gồm:<br>01 Kẹp phẫu tích thẳng 16cm<br>01 Que nhọn<br>01 Dao trích màng nhĩ<br>01 Ống hút vi phẫu                                                                                                                                                                 | Bộ          | 1                |
| 237 | N04.01.070                        | Ống thông khí màng nhĩ             | Ống thông khí tai. Đường kính 1,14mm và 1,27mm.                                                                                                                                                                                                                          | Cái         | 5                |
| 238 | N00.00.000                        | Bộ dụng cụ nâng xương chỉnh mũi    | Một bộ gồm:<br>01 Kẹp khuỷu<br>01 Kim chỉnh vách ngăn 23cm<br>01 Băng mũi Hartmann - Halle 15cm số 2                                                                                                                                                                     | Bộ          | 1                |
| 239 | N00.00.000                        | Ống Thông Nhĩ                      | Ống thông vòi nhĩ Itard. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485                                                                                                                                                                                               | Bộ          | 2                |
| 240 | N00.00.000                        | Kim bơm thuốc thanh quản           | Chất liệu thép không gỉ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương                                                                                                                                                                                                        | Bộ          | 5                |
| 241 | N00.00.000                        | Cân sức khỏe có thước đo chiều cao | Chức năng: Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao.<br>- Tải trọng tối đa: 160kg.<br>- Đo chiều cao: Phạm vi đo 70-190cm.<br>- Đơn vị chia chiều cao: 0,5cm.<br>- Kích thước bề: 38,5x28cm.<br>- Kích thước tổng thể: 90x35x30,5cm.<br>- Trọng lượng: 8kg (10kg cả thùng) | Cái         | 20               |
| 242 | N00.00.000                        | Hộp đựng bông cotton               | Hộp hình tròn, chất liệu bằng Inox, đường kính từ 8-10cm                                                                                                                                                                                                                 | Hộp         | 50               |

| STT | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|-----|-----------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 243 | N00.00.000                        | Hộp hấp tròn inox         | Hộp hấp dụng cụ tròn phi 30x32cm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp         | 20               |
| 244 | N00.00.000                        | Đèn clar soi tại mũi họng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đèn sử dụng pin sạc và bộ sạc điện đi kèm</li> <li>- Băng đeo đầu không dây và cân bằng với ngăn chứa pin;</li> <li>- Hiệu suất chiếu sáng cao, tối thiểu đèn LED (<math>\geq 140</math> lumen);</li> <li>- Tuổi thọ phục vụ của đèn <math>\geq 50.000</math> giờ; Có thể điều chỉnh hội tụ tại khoảng cách 40cm;</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái         | 10               |
| 245 | N00.00.000                        | Mỏ vệt sản khoa           | <p>Chất liệu: Thép không gỉ.</p> <p>Có thể hấp diệt trùng tại nhiệt độ 134°C trong vòng 5 phút.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cái         | 20               |
| 246 | N00.00.000                        | Đèn gù                    | <p>1. Yêu cầu cấu hình:</p> <p>Đèn chính: 01 bộ; Bộ chuyển đổi nguồn : 01 bộ; Chân đèn + bánh xe: 01 bộ; Hướng dẫn sử dụng: 01 bộ.</p> <p>2. Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>Cường độ chiếu sáng : 0-30.000 Lux</p> <p>Điều chỉnh cường độ sáng: Có</p> <p>Nhiệt độ màu : 4.400±500 K</p> <p>Chỉ số hoàn màu : <math>\geq 95</math> Ra%</p> <p>Đường kính trường ánh sáng : 80-150mm</p> <p>Số lượng bóng LED : 03 bóng</p> <p>Tuổi thọ bóng đèn tối thiểu: 50.000h chiếu sáng</p> <p>Bóng đèn LED</p> <p>Chiều cao tối đa: 1625 mm</p> <p>Công suất bóng đèn: 3W</p> <p>Đường kính đầu đèn : 88mm</p> <p>Nguồn điện: 110-230V/50-60Hz</p> <p>Pin dự phòng khẩn cấp (3-4h sau khi sạc đầy)</p> | Cái         | 10               |
| 247 | N00.00.000                        | Cáp điện tim              | Dùng đo điện tim, loại 10 điện cực, dùng cho máy điện tim Nihon kohden                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ          | 10               |

| STT                                    | Mã số theo nhóm (Theo TT 04/2017) | Danh mục hàng hóa         | Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng dự kiến |
|----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------|
| 248                                    | N00.00.000                        | Bộ dây chun tập kháng lực | Bộ 3 dây chun tập kháng lực được làm bằng cao su cao cấp có độ đàn hồi tốt, hỗ trợ tốt cho việc rèn luyện thể lực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Bộ          | 2                |
| 249                                    | N00.00.000                        | Đai tập đi                | Chất liệu: Khung sắt sơn tĩnh điện, dây đai bằng vải dùng để tập đi.<br>- Kích thước (DxR): 80x75 cm; Chiều cao nâng hạ từ 65cm đến 75cm ( $\pm$ sai số 5%); Vòng bụng: 20x34 cm; Dây đai: 52x25cm.<br>- Có 4 bánh xe, 2 bánh xe lớn có khóa chống lùi, 2 bánh xe nhỏ không khóa.<br>- Đai giữ nâng đỡ thân mình, có vòng ôm ngực để trẻ tựa vào và để 2 tay trên mặt bàn giúp trẻ có thể chơi và tập đi vững vàng.<br>- Có vòng ôm ngực, đai nâng đỡ kẹp giữa háng. | Bộ          | 2                |
| 250                                    | N00.00.000                        | Khung tập đi              | - Chất liệu khung inox, có bánh xe trước, cục cao su chống trượt.<br>- Có chỉnh cao - thấp dễ dàng.<br>- Gấp gọn dễ mang theo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái         | 2                |
| 251                                    | N00.00.000                        | Gậy tập đi 4 chân         | - Chất liệu inox, có bọc cao su chống trượt<br>- Có thể chỉnh cao - thấp dễ dàng, chắc chắn theo nấc<br>- Khối lượng $\leq 1,5$ kg.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái         | 2                |
| <b>Phần IX. Cồn y tế (02 mặt hàng)</b> |                                   |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                  |
| 252                                    | N01.02.020                        | Cồn 90 độ                 | Ethanol 90%<br>Dung dịch trong suốt, không màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lít         | 200              |
| 253                                    | N01.02.020                        | Cồn 70 độ                 | Ethanol 70° (Cồn 70°)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lít         | 2.000            |
| <b>Phần X. Đệm y tế (02 mặt hàng)</b>  |                                   |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                  |
| 254                                    | N00.00.000                        | Đệm giường bệnh nhân 0,9m | Kích thước: 1900 x 900 x 50mm ( $\pm 5$ mm) - Đệm xốp PE, vỏ ngoài giả da.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái         | 94               |
| 255                                    | N00.00.000                        | Đệm giường bệnh nhân 1,1m | Kích thước: 1900 x 1.100 x 50mm ( $\pm 5$ mm) - Đệm xốp PE, vỏ ngoài giả da.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 4                |
| <b>Tổng cộng: 255 mặt hàng./.</b>      |                                   |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |                  |



## PHỤ LỤC II MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: 1300 /CV-BVPY ngày 14/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên)

### BÁO GIÁ

Trên cơ sở Công văn số: 1300 /CV-BVPY ngày 14/11/2025 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Phù Yên về việc yêu cầu báo giá, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá vật tư y tế năm 2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Phù Yên, tỉnh Sơn La như sau:

#### 1. Báo giá vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

| STT  | Danh mục thiết bị y tế (Vật tư y tế) | Thông số kỹ thuật | Ký, mã, nhãn hiệu, model | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | Số lưu hành, số GPNK | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|------|--------------------------------------|-------------------|--------------------------|---------------|---------------|----------------------|-------------|----------------------|---------------|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| 1    |                                      |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                  |                  |
| 2    |                                      |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                  |                  |
| .... |                                      |                   |                          |               |               |                      |             |                      |               |                                         |                                  |                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

[Lưu ý: Các nhà cung ứng sẽ chào giá tới địa điểm giao hàng (có nghĩa là giá đã bao gồm tất cả các chi phí liên quan, các loại thuế liên quan phải trả nếu được trao Hợp đồng), Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế (hàng hóa: vật tư y tế)].

**2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:** Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ..... tháng .....năm ..... [Ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I- Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



- Giá trị của thiết bị y tế (*vật tư y tế*) nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., Ngày.... tháng.... năm...

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất nhà  
cung cấp**  
(*ký tên, đóng dấu*)